

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam
tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023 - 2025

Căn cứ Quyết định số 5924/QĐ-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức thực hiện các hoạt động thuộc Chương trình Sức khỏe Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025 nhằm góp phần xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường vai trò và năng lực của mỗi người dân, thực hiện tốt công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện góp phần nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân Bến Tre nói riêng và người Việt Nam nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tầm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

2.2. Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

2.3. Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

3. Các chỉ tiêu đến năm 2025

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	Năm 2025
I. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 1:	
1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý	
1) Giảm tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi:	<17%
2) Không chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	<12%
3) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/ trái cây	<50%

4) Giảm mức tiêu thụ muối trung bình/người/ngày (gam)	<7g
2. Tăng cường vận động thể lực	
5) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực: - Người 18 - 69 tuổi - Trẻ em 13 - 17 tuổi	<22% 60%
II. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 2:	
3. Phòng chống tác hại của thuốc lá	
6) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	<37%
7) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân - Tại nhà - Nơi làm việc	<50% 35%
4. Phòng chống tác hại của rượu, bia	
8) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	<35%
5. Vệ sinh môi trường	
9) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch - Nông thôn - Thành thị	75% 90%
10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh - Nông thôn - Thành thị	85% >95%
11) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng	50%
6. An toàn thực phẩm	
12) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2011-2015)	10%
13) Tăng tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm	90%
14) Tăng tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm	90%
III. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 3:	
7. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh	
15) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ: - 12 loại vắc xin	>95%
16) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh: - Trường mầm non - Trường tiểu học	70% 75%
17) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực	40%
8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm	
18) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một	95%

số bệnh không lây nhiễm phổ biến	
19) Tăng tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	50%
29) Tăng tỷ lệ quản lý điều trị tăng huyết áp	25%
21) Tăng tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	50%
22) Tăng tỷ lệ quản lý điều trị đái tháo đường	>30%
23) Tăng tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	40%
9. Quản lý sức khỏe người dân	
24) Tỷ lệ người dân được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng	90%
10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	
25) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%
11. Chăm sóc sức khỏe người lao động	
26) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	50%
27) Tỷ lệ xã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề,...)	40%

4. Lộ trình thực hiện các chỉ tiêu đến năm 2025

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	2023	2024	2025
I. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 1:			
1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý			
1) Giảm tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi:	<18,6%	<17,7%	<17%
2) Không chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì	Thực hiện truyền thông thay đổi hành vi		<12%
3) Giảm tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/trái cây	Thực hiện truyền thông thay đổi hành vi		<50%
4) Giảm mức tiêu thụ muối trung bình/người/ngày (gam)	Thực hiện truyền thông thay đổi hành vi		<7g
2. Tăng cường vận động thể lực			
5) Giảm tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực:	Thực hiện truyền		

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	2023	2024	2025
	thông thay đổi hành vi		
- Người 18 – 69 tuổi - Trẻ em 13 – 17 tuổi			<22% 60%
II. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 2:			
3. Phòng chống tác hại của thuốc lá			
6) Giảm tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành	<39%	<38%	<37%
7) Giảm tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân - Tại nhà - Nơi làm việc	Thực hiện truyền thông thay đổi hành vi		<50% 35%
4. Phòng chống tác hại của rượu, bia			
8) Giảm tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành	Thực hiện truyền thông thay đổi hành vi		<35%
5. Vệ sinh môi trường			
9) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch - Nông thôn - Thành thị	77% 85%	78% 90%	79% 95%
10) Tăng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh - Nông thôn - Thành thị	82% 92%	84% 94%	85% >95%
11) Tăng tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng	40%	45%	50%
6. An toàn thực phẩm			
12) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2016-2020).	10%	10%	10%
13) Tăng tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu	90%	90%	90%

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	2023	2024	2025
dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm			
14) Tăng tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm	90%	90%	90%
III. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 3:			
7. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh			
15) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ: 12 loại vắc xin	>95%	>95%	>95%
16) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh: - Trường mầm non - Trường tiểu học	68% 71%	69% 73%	70% 75%
17) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực	36%	38%	40%
8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm			
18) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	90%	93%	95%
19) Tăng tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp	50%	50%	50%
20) Tăng tỷ lệ quản lý điều trị tăng huyết áp	30%	30%	25%
21) Tăng tỷ lệ phát hiện đái tháo đường	43%	45%	50%
22) Tăng tỷ lệ quản lý điều trị đái tháo đường	30%	30%	>30%
23) Tăng tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)	30%	35%	40%
9. Quản lý sức khỏe người dân			
24) Tỷ lệ người dân được quản lý, theo dõi sức	85%	88%	90%

Lĩnh vực/Chỉ tiêu	2023	2024	2025
khỏe tại cộng đồng			
10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi			
25) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình	100%	100%	100%
11. Chăm sóc sức khỏe người lao động			
26) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp	25%	40%	50%
27) Tỷ lệ xã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề,...)	20%	30%	40%

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA KẾ HOẠCH

1. Đối tượng: Toàn dân, có các nhóm đối tượng ưu tiên được xác định theo từng lĩnh vực cụ thể.

2. Thời gian: Kế hoạch được triển khai từ năm 2023 đến năm 2025.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. Quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện

- Tăng cường phối hợp, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam thuộc phạm vi do đơn vị phụ trách.

- Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hằng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe theo Kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ chuyên môn theo lĩnh vực

2.1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý

a) Xây dựng Dự án Cải thiện An ninh dinh dưỡng, thực phẩm hộ gia đình và đáp ứng dinh dưỡng trong trường hợp khẩn cấp.

b) Phổ biến các khuyến nghị, hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người dân từ các thực phẩm sẵn có và phù hợp với cách ăn của người Việt Nam; tổ chức thực hiện Những lời khuyên dinh dưỡng hợp lý đến năm 2030.

c) Triển khai Kế hoạch quốc gia Truyền thông vận động thực hiện giảm muối trong khẩu phần ăn để phòng, chống tăng huyết áp, đột quỵ và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2018-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 2033/QĐ-BYT ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

d) Tổ chức triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Kế hoạch số 972/KH-UBND ngày 04/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

đ) Xây dựng quy định ghi thông tin dinh dưỡng trên nhãn hàng hóa của sản phẩm thực phẩm tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Xây dựng Thông tư hướng dẫn về ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm bao gói sẵn.

2.2. Tăng cường vận động thể lực cho người dân

- Xây dựng hướng dẫn, khuyến nghị về mức độ hoạt động thể lực và loại hình hoạt động thể lực phù hợp với lứa tuổi cho người dân; các hướng dẫn, tư vấn về vận động thể lực cho người dân và bệnh nhân.

- Triển khai các mô hình, chương trình tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe phù hợp tại nơi làm việc và tại cộng đồng; xây dựng các hướng dẫn kê đơn vận động thể lực trong quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ngành liên quan để triển khai các chương trình, đề án về tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên và cho người dân.

2.3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh

a) Tiêm chủng mở rộng

- Thực hiện công tác tập huấn, đào tạo mới, đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng kiến thức, thực hành tiêm chủng cho đội ngũ trực tiếp tham gia tiêm chủng mở rộng.

- Nâng cao chất lượng giám sát, thực hiện hiệu quả của công tác TCMR thường xuyên, phấn đấu đạt tỷ lệ tiêm chủng đã đề ra

- Đảm bảo an toàn tiêm chủng, duy trì và củng cố hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng, thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế trong việc giám sát phản ứng sau tiêm chủng

- Nâng cao công tác quản lý dây chuyền lạnh, đảm bảo an toàn và đáp ứng đủ các loại vắc xin, vật tư tiêm chủng

b) Chương trình Y tế trường học (YTTH)

- Quản lý, chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện

- + Sở Y Tế tăng cường phối hợp Sở GD & ĐT chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện duy trì, đẩy mạnh hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cho học sinh.

- + Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ hằng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe ở từng địa phương trên cơ sở các mục tiêu sức khỏe của quốc gia.

- + Tổ chức triển khai các nhiệm vụ Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh

- + Tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức về dinh dưỡng hợp lý, nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn và tăng cường hoạt động thể lực, phòng, chống các bệnh không lây nhiễm cho cán bộ phụ trách YTTH tại các trường học trên địa bàn tỉnh.

- + Tổ chức giám sát công tác đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định tại các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông.

- + Tổ chức khám sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông.

- + Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học, bếp ăn bán trú, hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh trong trường học định kỳ theo qui định.

- Hoạt động truyền thông: Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao kiến thức và năng lực của giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh cận thị học đường, bệnh không lây nhiễm trong trường học.

- + Tuyên truyền trực tiếp lồng ghép vào các tiết học giáo dục sức khỏe, sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động tập thể tại các nhà trường.

- + Minh họa qua tranh ảnh tuyên truyền, bản tin của nhà trường.

+ Cấp phát tranh ảnh, thời khoá biểu tuyên truyền phòng chống bệnh tật học đường.

+ Cung cấp và hướng dẫn giáo viên, học sinh biết cách sử dụng bộ công cụ tự kiểm tra thị lực nhằm phát hiện sớm.

- Theo dõi, kiểm tra giám sát và đánh giá

+ Phối hợp ngành giáo dục tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình kết quả thực hiện việc đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý tại các trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường định kỳ theo qui định.

+ Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học, bếp ăn bán trú, hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh trong trường học định kỳ theo qui định bao gồm công tác tầm soát phát hiện giảm thị lực, tư vấn điều trị cận thị cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông.

2.4. Phòng chống tác hại thuốc lá

a) Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các văn bản về Luật PC THTL đến người dân thông qua nhiều hình thức truyền thông:

- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2013.

- Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

- Quyết định số 229/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/01/2013 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020.

- Chỉ thị số 05/CT -BYT ngày 28/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tăng cường thực hiện quy định của Luật Phòng, chống THTL trong ngành y tế.

b) Tăng cường việc thực hiện quy định về môi trường không khói thuốc, và giám sát, đánh giá tình hình các hoạt động PCTH thuốc lá.

c) Tăng cường truyền thông về PCTH thuốc lá và các hướng dẫn thực hiện PCTH thuốc lá như: tổ chức các buổi nói chuyện trực tiếp tại bệnh viện, trường học, cơ quan, xí nghiệp, nhà hàng, khách sạn; tổ chức hoạt động truyền thông; sản xuất và phổ biến các tài liệu truyền thông PCTH thuốc lá.

d) Tăng cường tổ chức thực hiện công tác thanh kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Luật PCTH thuốc lá và các văn bản hướng dẫn thực hiện các hoạt động PCTH thuốc lá trên địa bàn tỉnh tại các cơ sở y tế, cơ quan, đơn vị, trường học, nhà hàng, khu du lịch, cơ sở lưu trú...

đ) Phối hợp với cơ quan, sở, ban ngành để triển khai hiệu quả Chương trình Phòng, chống tác hại thuốc lá trên địa bàn tỉnh.

2.5. Phòng chống tác hại rượu bia

- Xác định nội dung công việc gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị có liên quan, bảo đảm chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc.

- Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật.

- Có kế hoạch thực hiện chi tiết, cụ thể của từng cơ quan, tổ chức để bảo đảm Luật được triển khai đầy đủ, thống nhất và đồng bộ trong ngành y tế.

- Thường xuyên kịp thời, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành Luật.

2.6. Vệ sinh môi trường

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 7562/QĐ-BYT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tổ chức triển khai Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 6847/QĐ-BYT ngày 13/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường.

- Phối hợp để triển khai hiệu quả Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tổ chức chương trình, chiến dịch truyền thông hướng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hằng năm; xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thông rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình.

2.7. An toàn thực phẩm

a) Hoạt động An toàn thực phẩm

- Trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn về an toàn thực phẩm.

- Nghiên cứu, đào tạo, tập huấn chuyên môn an toàn thực phẩm (đào tạo, tập huấn trừ các đối tượng của các Dự án tại tuyến cơ sở).

- Lấy mẫu, kiểm nghiệm phục vụ thanh tra, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Điều tra về an toàn thực phẩm; xử lý các sự cố về an toàn thực phẩm, kiểm soát an toàn thực phẩm các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố; giám sát dịch tễ học các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Hỗ trợ xây dựng áp dụng một số mô hình về an toàn thực phẩm như: bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố...

b) Hoạt động truyền thông an toàn thực phẩm

- Đào tạo, tập huấn cho các đối tượng của dự án tại tuyến tỉnh. Kiểm tra, giám sát, đánh giá nhằm nâng cao năng lực y tế tuyến cơ sở.

- Duy trì Tháng hành động vì An toàn thực phẩm, xây dựng nội dung thông điệp.

- Huy động các kênh truyền thông và lực lượng truyền thông; tổ chức các hoạt động truyền thông thường xuyên và lưu động tại cộng đồng.

- Xây dựng, sản xuất, nhân bản, phát hành các sản phẩm truyền thông.

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác truyền thông.

- Điều tra đánh giá kiến thức, thái độ, cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm của các nhóm đối tượng.

2.8. Phòng, chống một số bệnh không lây nhiễm

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2021-2025.

- Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn chuyên môn về dự phòng, phát hiện sớm, quản lý các bệnh không lây nhiễm; tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực dự phòng, phát hiện và quản lý bệnh không lây nhiễm tại tuyến y tế cơ sở và tại cộng đồng.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến, hướng dẫn lập kế hoạch và tổ chức triển khai cho các địa phương; kiểm tra giám sát và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tuyến y tế cơ sở.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn chuyên môn về chẩn đoán, điều trị bệnh không lây nhiễm.

- Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị, chăm sóc người bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch để tăng cường cung cấp dịch vụ dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm, quản lý điều trị tăng huyết áp, bệnh tim mạch, đái tháo đường và một số bệnh không lây nhiễm khác tại các trạm y tế cấp xã trên toàn quốc.

2.9. Chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng

- Rà soát, ban hành các quy định, hướng dẫn để triển khai hoạt động kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe cơ bản phù hợp theo nhóm tuổi và nhóm đối tượng.

- Rà soát, ban hành các quy định, hướng dẫn về lập Hồ sơ sức khỏe cá nhân để cập nhật, theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho từng đối tượng trẻ em, học sinh, sinh viên, người lao động và người cao tuổi.

- Nâng cao năng lực cho tuyến y tế cơ sở để triển khai hoạt động kiểm tra sức khỏe, lập Hồ sơ sức khỏe cá nhân và quản lý, chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân.

- Triển khai các biện pháp để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lập Hồ sơ sức khỏe, quản lý, theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho người dân.

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 24/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Phát triển mạng lưới các cơ sở lão khoa các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh.

- Triển khai các quy định, hướng dẫn, tài liệu chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; tổ chức đào tạo, tập huấn về chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc.

- Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 403/QĐ-BYT ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Triển khai các Chương trình, kế hoạch về chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng, thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe

định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

2.11. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- Hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường lao động, bệnh nghề nghiệp đến năm 2025 và kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia vào năm 2030.

- Quản lý cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp: quản lý được 50% số cơ sở lao động vào năm 2025.

- Kiểm tra công tác quan trắc môi trường lao động: kiểm tra 30% cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp vào năm 2025.

- Đến năm 2025: Lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động không có hợp đồng lao động vào hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu tại y tế cơ sở, 100% các cơ sở lao động được tuyên truyền về các bệnh không lây nhiễm, thực hiện các biện pháp phòng chống, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp vệ sinh, phù hợp điều kiện lao động, tăng cường vận động nơi làm việc.

- Quản lý sức khỏe người lao động tại các cơ sở lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp: 50% người lao động tại các cơ sở có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp phổ biến được tiếp cận thông tin về yếu tố có hại, biện pháp phòng chống và được khám phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp vào năm 2025.

3. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông

a) Hướng dẫn các đơn vị, địa phương lồng ghép nội dung truyền thông về Chương trình Sức khỏe Việt Nam tỉnh Bến Tre trong kế hoạch truyền thông, cung cấp thông tin y tế hằng năm; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về Chương trình nhằm phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể đồng thuận, chủ động tham gia Chương trình theo nhiệm vụ được phân công; vận động người dân ủng hộ, chủ động, tích cực thực hiện các hướng dẫn, khuyến cáo nhằm nâng cao sức khỏe, phòng, chống dịch, bệnh, tật...

Ứng dụng công nghệ thông tin trong chăm sóc sức khỏe chủ động như: tư vấn, khám chữa bệnh từ xa; cung cấp các dịch vụ theo dõi sức khỏe tại nhà; kết nối người dân với cơ sở y tế, với bác sĩ để trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa...

b) Triển khai lồng ghép truyền thông về các lĩnh vực của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong hoạt động truyền thông của các chương trình, đề án, dự án đang triển khai trong các lĩnh vực liên quan.

c) Xây dựng, triển khai các mô hình “Sức khỏe Việt Nam” ở cộng đồng dân cư, tại nơi làm việc/học tập để lồng ghép thực hiện các nội dung của Chương trình Sức khỏe Việt Nam của tỉnh.

d) Tổ chức hoạt động, chương trình, chiến dịch thông tin, giáo dục, truyền thông đặc thù đối với một số nội dung của Chương trình Sức khỏe Việt Nam:

- Nội dung truyền thông Chương trình Sức khỏe Việt Nam:

- + Bảo đảm dinh dưỡng để phòng chống bệnh không lây nhiễm; vai trò của nhân dinh dưỡng; khuyến khích ăn đủ rau và trái cây, giảm tiêu thụ đồ uống có đường, giảm tiêu thụ chất béo,...

- + Vai trò của tăng cường hoạt động thể lực; tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia các phong trào, hoạt động tăng cường vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao.

- + Các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh tăng huyết áp, tim mạch, đái tháo đường, ung thư và các bệnh không lây nhiễm khác.

- + Vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức trong việc vận động, đầu tư, phối hợp, tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình Sức khỏe Việt Nam để nâng cao sức khỏe cho người dân.

- Tổ chức các chương trình, chiến dịch truyền thông phù hợp, hiệu quả; triển khai định kỳ, thường xuyên các chương trình, hoạt động truyền thông về các nội dung Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên đài truyền hình, đài phát thanh tỉnh và báo Đồng Khởi; truyền thông, cung cấp thông tin trên trang web của các đơn vị và trên các trang mạng xã hội có liên quan; thực hiện phát thông điệp truyền thông trên loa truyền thanh của xã, cấp phát tờ rơi truyền thông cho người dân đồng thời triển khai góc truyền thông, tư vấn tại Trạm Y tế xã và truyền thông lồng ghép trong các hoạt động, sự kiện ở cộng đồng.

đ) Tổ chức truyền thông về chương trình Sức khỏe Việt Nam nhân các ngày, sự kiện sức khỏe trong năm như: Ngày Ung thư thế giới (04/02), Ngày Nước thế giới (22/3), Ngày Thể thao Việt Nam (27/3), Ngày Sức khỏe thế giới (07/4), Tháng Hành động vì an toàn thực phẩm (15/4-15/5), Tuần lễ Tiêm chủng thế giới (24-30/4), Ngày Hen toàn cầu (05/5), Ngày Thế giới phòng chống tăng huyết áp (17/5), Ngày Thế giới không thuốc lá (31/5), Tuần lễ Quốc gia không khói thuốc lá (25-31/5), Ngày vi chất dinh dưỡng (01-02/6), Ngày Môi trường thế giới (05/6), Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ (01-07/8), Ngày Tim mạch thế giới (29/9), Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới (10/10), Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng (15/10), Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển (16-23/10), Ngày Đột quỵ thế giới (29/10), Ngày

Phòng chống đại tháo đường thế giới (14/11), Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính toàn cầu (thứ Tư tuần thứ ba của tháng 11 của năm), và các sự kiện liên quan khác.

4. Theo dõi, kiểm tra giám sát và đánh giá

a) Thực hiện các điều tra, khảo sát và thống kê báo cáo số liệu để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu của chương trình Sức khỏe Việt Nam

- Lồng ghép thu thập số liệu trong các điều tra, khảo sát chuyên ngành về dinh dưỡng và điều tra, khảo sát của các ngành, các lĩnh vực khác để theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện từng lĩnh vực sức khỏe trong chương trình Sức khỏe Việt Nam.

- Xây dựng các biểu mẫu, công cụ, hướng dẫn quy trình, tổ chức quản lý cơ sở dữ liệu và triển khai lồng ghép thống kê báo cáo thường kỳ về kết quả thực hiện chương trình Sức khỏe Việt Nam.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát và sơ tổng kết

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra giám sát liên ngành, chuyên ngành tại trung ương và tại các địa phương để theo dõi, đánh giá, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho việc triển khai trong Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực và tại các tuyến.

- Tổ chức các hội nghị lồng ghép với các nội dung phù hợp khác để hằng năm đánh giá tiến độ của từng lĩnh vực trong Chương trình; định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam sau từng giai đoạn triển khai.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam được lồng ghép trong kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án liên quan của các lĩnh vực.

- Đối với những nhiệm vụ có tính chất đặc thù, ưu tiên hoặc chưa có trong các chương trình, dự án, đề án liên quan: Sở Y tế dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân phê duyệt.

- Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Định mức chi: Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, giám sát, kiểm tra, định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Chương trình. Tổ chức sơ kết hằng năm và tổng kết việc thực hiện Chương trình vào cuối năm 2025.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án can thiệp như thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục dinh dưỡng, tăng cường hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong trường học.

b) Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong các hoạt động giáo dục, hướng dẫn thực hành về dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh.

c) Chủ trì, phối hợp với ngành y tế tổ chức triển khai, thực hiện, giám sát các hoạt động về dinh dưỡng hợp lý trong trường học, bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh.

d) Chỉ đạo, đẩy mạnh triển khai các hoạt động liên quan Chương trình Sức khỏe Việt Nam tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025 và Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, tiêm chủng, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025, Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá, Chương trình phòng chống tác hại rượu, bia,...

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì chỉ đạo tăng cường thực hiện các chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về bảo đảm dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; chăm sóc sức khỏe người lao động.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ, lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

c) Phối hợp triển khai tin học hóa các hoạt động quản lý chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Tăng cường công tác hậu kiểm và xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp; rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp.

b) Tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường hoạt động giám sát an toàn thực phẩm làm cơ sở cho công tác quản lý an toàn thực phẩm lĩnh vực nông nghiệp.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh để thông tin, tuyên truyền về Chương trình Sức khỏe Việt Nam tỉnh Bến Tre.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện đạt chỉ tiêu hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh theo nội dung kế hoạch.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động của chương trình, lồng ghép với Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

b) Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe.

8. Sở Công Thương

a) Phối hợp thực hiện các hoạt động của Chương trình sức khỏe Việt Nam.

b) Tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thuộc trách nhiệm của ngành công thương đảm bảo an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động của chương trình sức khỏe Việt Nam.

b) Chỉ đạo và tăng cường bố trí kinh phí, ngân sách thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm.

c) Phối hợp với các sở, ngành liên quan góp ý, bổ sung xây dựng hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng bổ sung, thức ăn bổ sung, tăng cường vi chất dinh dưỡng, các văn bản quy phạm pháp luật về ghi nhãn dinh dưỡng thực phẩm.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn đưa các chỉ tiêu phù hợp đặc thù vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

11. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước bố trí kinh phí cho các sở, ngành để thực hiện Chương trình đối với các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách.

12. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan trong việc đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về thực hiện chương trình sức khỏe Việt Nam tại các sở, ngành, địa phương.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đồng Khởi và các cơ quan thông tin đại chúng

Chú trọng tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp; nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục về Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong các chuyên trang, chuyên mục; đẩy mạnh tuyên truyền việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình sức khỏe Việt Nam.

14. Thanh tra tỉnh

Phối hợp kiểm tra, thanh tra các nội dung có liên quan hoạt động của chương trình sức khỏe Việt Nam.

15. Công an tỉnh

Phối hợp kiểm tra, thanh tra, xử phạt các nội dung có liên quan hoạt động của chương trình sức khỏe Việt Nam.

16. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội, Mặt trận Tổ quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Bến Tre

Phối hợp với ngành y tế, ngành giáo dục, ngành nông nghiệp, các sở, ngành liên quan và chính quyền địa phương tham gia tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham gia tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các hội viên, cộng đồng và huy động nguồn lực triển khai các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp có liên quan của Chương trình; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách nhằm bảo đảm việc thực thi Chương trình sức khỏe Việt Nam tỉnh Bến Tre đạt hiệu quả.

17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam của địa phương giai đoạn 2023-2025, dự án, đề án can thiệp nâng cao sức khỏe người dân trên địa bàn phù hợp với chương trình Sức khỏe Việt Nam của địa phương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo dõi, đánh giá thực hiện tiến độ hàng năm, đưa các chỉ tiêu phù hợp đặc thù vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện mục tiêu của chương trình, trong đó ưu tiên vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn.

c) Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện chương trình.

d) Tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam tỉnh Bến Tre giai đoạn 2023-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (B/cáo);
- TT.TU (B/cáo);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP.UBND tỉnh (KGVX);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBMTTQ & các đoàn thể tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh;
- Báo Đồng Khởi;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng KGVX, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Bé Mười

Phụ lục
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE VIỆT NAM TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
A. Tổ chức triển khai hoạt động chuyên môn theo lĩnh vực					
I.	Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý				
1	Xây dựng Kế hoạch giai đoạn về Dinh dưỡng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (TTKSBT) Các sở, ngành tỉnh	2022	
2	Đào tạo - Tập huấn có cán bộ phụ trách dinh dưỡng	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng, Trung tâm KSBT Trung tâm Y tế tuyến huyện, TP	2023-2025	Địa phương
3	Hoạt động bổ sung Vitamin A cho trẻ từ 6-36 tháng	Sở Y tế	TT KSBT TTYT huyện, TP	Tháng 6 và tháng 12 hàng năm	Trung ương, Địa phương
4	Tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe về chế độ dinh dưỡng và chế độ vận động thể lực cho người dân	Sở VH TT & DL	TT KSBT UBND huyện, thành phố TTYT huyện, TP	16-23/10 hàng năm	Địa phương
5	Điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng đầu ra trẻ em tại 09 huyện, tp (thực hiện lồng ghép với điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em năm 2025)	Sở Y tế	TT KSBT TTYT huyện, TP	2025	Địa phương

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
6	Điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng bà mẹ trẻ em hàng năm tại tỉnh (theo hướng dẫn của Viện Dinh dưỡng)	Sở Y tế	Viện Dinh dưỡng, TT KSBT, TTYT huyện, TP	Hàng năm	Địa phương
7	Hoạt động giám sát, kiểm tra	Sở Y tế	TT KSBT TTYT huyện, TP	Định kỳ hàng quý và đột xuất theo chiến dịch	Địa phương
II.	Phòng chống tác hại thuốc lá				
1	Thanh tra, kiểm tra liên ngành, xử lý vi phạm hành chính về phòng chống tác hại thuốc lá	Sở Y tế	Phòng Thanh tra SYT Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ngành liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
2	Phối hợp các sở ngành, đơn vị (có nhu cầu) tổ chức tuyên truyền về công tác thực Thi Luật PCTHTL, cai nghiện thuốc lá, tác hại khi sử dụng thuốc lá	Sở Y tế	TT KSBT Các sở, ngành UBND các huyện, TP TTYT huyện, TP	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
3	Truyền thông về phòng chống tác hại của thuốc lá trên Báo	Cơ quan báo đài	TTKSBT Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
4	Truyền thông về Phòng, chống tác hại của thuốc lá trên sóng truyền hình, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh Bến Tre.	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Bến Tre	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Sở Thông tin và truyền thông; Sở Văn hóa thể thao và	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
			du lịch		
5	Tuyên truyền về Phòng, chống tác hại của thuốc lá trên loa truyền thanh xã/phường/thị trấn, cơ sở y tế.	Sở Y tế	Sở Thông tin và truyền thông; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật UBND huyện, TP	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
6	Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm hoạt động PCTHTL	Sở Y tế	Sở Thông tin và truyền thông; Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
7	Tổ chức hoạt động Hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia không khói thuốc 25 – 31/5.	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan Trung tâm Kiểm soát bệnh tật UBND huyện, TP	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
8	Tổ chức hội thi tìm hiểu Luật phòng, chống tác hại thuốc lá cho học sinh cấp THCS và THPT.	Sở Y tế	Sở GD & ĐT Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
9	Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp về PCTH thuốc lá	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Sở Thông tin và Truyền	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
			thông, Sở văn hóa thể thao và du lịch		
10	Sản xuất các tài liệu truyền thông về PCTH thuốc lá	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Sở văn hóa thể thao và du lịch	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
11	Sản xuất tài liệu và tập huấn cho giáo viên giảng dạy trong các buổi ngoại khóa.	Sở Y tế	Sở GD & ĐT Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
12	Sản xuất tài liệu và tập huấn cho cán bộ y tế cơ sở về tư vấn cai nghiện thuốc lá tại cộng đồng.	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
13	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ UBND huyện, xã về PCTHTL.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	UBND huyện, tp Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
14	Tổ chức tập huấn kỹ năng truyền thông về phòng, chống tác hại của thuốc lá cán bộ đoàn các cấp.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Đoàn TNCS Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
15	Tổ chức giám sát việc thực hiện các hoạt động môi trường không khói thuốc lá tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
III.	Phòng chống tác hại rượu bia				
1	Xây dựng Nội dung hỏi đáp về phòng chống tác hại	Trung tâm	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
	bia, rượu đăng trên website Sở Y tế địa chỉ websites: http://syt.longan.gov.vn/Truyền thông GDSK	Kiểm soát bệnh tật			của Đề án
2	Tham mưu xây dựng kế hoạch thi hành Luật trong ngành y tế phù hợp chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
3	Tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phòng chống tác hại rượu bia	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
4	Thông qua các chuyên mục, chương trình, tập huấn, biên soạn tài liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
5	Tăng cường hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác hại của lạm dụng rượu, bia;	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Báo Long An, Đài Phát thanh-Truyền hình Long An	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
6	Tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu bia; về quyền của trẻ em không bị ép buộc hoặc khuyến khích sử dụng rượu, bia; không ép buộc, khuyến khích người khác sử dụng rượu bia; người điều khiển các phương tiện tham gia giao thông không được có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt quá mức quy định.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
7	Tập huấn triển khai các biện pháp dự phòng đặc	Trung tâm	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
	biệt cho nhóm có nguy cơ cao như: trẻ vị thành niên, phụ nữ có thai hoặc dự định có thai, phụ nữ đang cho con bú.	Kiểm soát bệnh tật			của Đề án
8	Thực hiện sàng lọc, phát hiện sớm và điều trị can thiệp, phục hồi chức năng đối với người đã lạm dụng rượu, bia, rối loạn chức năng thông qua việc cung cấp các dịch vụ chẩn đoán, điều trị (về sức khỏe tâm thần, các bệnh mãn tính, cai nghiện) tại các cơ sở y tế.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
9	Tham mưu Tăng cường thực hiện và kiểm tra, xử lý vi phạm quy định cấm sử dụng rượu, bia trong giờ làm việc, tại nơi làm việc, trong bữa ăn giữa hai buổi trong ngày làm việc và ngày trực; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm đưa quy định về cấm sử dụng rượu, bia vào nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị; tổ chức giám sát việc thực hiện.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
10	Tăng cường biện pháp phòng ngừa người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc đang trong thời gian cho con bú, người có bệnh lý sử dụng rượu, bia.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
11	Tham mưu cho chính quyền địa phương kiểm soát chặt chẽ quảng cáo, tiếp thị rượu, bia.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
12	Xây dựng mô hình điểm và hướng dẫn thực hiện các phong trào tại cộng đồng tham gia phòng,	Trung tâm Kiểm soát	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
	chống tác hại rượu, bia; giảm tiêu thụ rượu bia để nâng cao sức khỏe nhân dân. Phát hiện các đơn vị, cộng đồng, địa phương tích cực, có thành tích xuất sắc, báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời tôn vinh, khen thưởng.	bệnh tật			
13	Tập huấn tăng cường năng lực cho mạng lưới chăm sóc sức khỏe ban đầu, đào tạo kiến thức, kỹ năng cho cán bộ y tế, cán bộ công tác xã hội để kịp thời phát hiện người lạm dụng rượu, bia.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
14	Ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai các hoạt động phòng, chống tác hại rượu, bia.	UBND	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
15	Tham mưu Tạo điều kiện để các tổ chức Phi chính phủ trong và ngoài nước, cộng đồng dân cư, cơ sở sản xuất kinh doanh rượu, bia hỗ trợ nguồn lực để phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu, bia.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
IV.	Vệ sinh môi trường				
1	Thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành y tế giai đoạn 2019-2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
2	Phối hợp khoa TTGDSK tổ chức triển khai Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí của Đề án
3	Nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
	động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường.				địa phương
4	Phối hợp để triển khai hiệu quả Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tổ chức chương trình, chiến dịch truyền thông hưởng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hằng năm; xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thông rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
V.	An toàn thực phẩm				
1	Tăng cường công tác truyền thông thay đổi nhận thức, thái độ, thực hành về ATTP cho 4 nhóm đối tượng người quản lý, người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông cho cán bộ quản lý; tăng cường các tài liệu truyền thông về an toàn thực phẩm.	CC ATVSTP	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Ngân sách địa phương
2	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý cho cán bộ quản lý an toàn thực phẩm.	CC ATVSTP	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Ngân sách địa phương
3	Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP cho các nhóm đối tượng người quản lý, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.	CC ATVSTP	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Ngân sách địa phương

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
4	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm; Tăng cường thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đặc biệt là các bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố trong thực hiện các quy định về ATTP.	CC ATVSTP	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Ngân sách địa phương
5	Đào tạo, tập huấn tăng cường năng lực hoạt động của hệ thống giám sát, ghi nhận và phòng ngừa ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; thực hiện tốt các công tác giám sát, loại trừ các mối nguy hại liên quan đến ATTP.	CC ATVSTP	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Ngân sách địa phương
6	Tham mưu Ban chỉ đạo liên ngành tỉnh về ATTP, phối hợp các Ngành liên quan trong công tác ATTP	CC ATVSTP	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Ngân sách địa phương
VI.	Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh				
1	Nâng cao chất lượng mạng lưới tiêm chủng cho mọi đối tượng trong diện tiêm chủng	Sở Y tế	Sở Giáo dục và đào tạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Các đơn vị liên quan	2023-2025	Ngân sách địa phương
2	Công tác phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025	Sở Y tế	SGD-ĐT TT-KSBT	2023-2025	Ngân sách nhà nước của đơn vị.
3	Phối hợp đơn vị TTGDSK tổ chức triển khai huấn luyện, cung cấp tài liệu dinh dưỡng học đường, phương tiện dụng cụ tầm soát phát hiện sớm mắc thị lực trong trường học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
4	Nâng cao năng lực giám sát và đánh giá hoạt động YTTH, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
VII.	Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm				
1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn sức khỏe tâm thần giai đoạn 2021-2025.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
2	Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn chuyên môn về dự phòng, phát hiện sớm, quản lý các bệnh không lây nhiễm; tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực dự phòng, phát hiện và quản lý bệnh không lây nhiễm tại tuyến y tế cơ sở và tại cộng đồng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
3	Tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến, hướng dẫn lập kế hoạch và tổ chức triển khai cho các địa phương; kiểm tra giám sát và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tuyến y tế cơ sở.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
4	Xây dựng, hoàn thiện các quy định, hướng dẫn chuyên môn về chẩn đoán, điều trị bệnh không lây nhiễm	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
5	Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị, chăm sóc người bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
6	Phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch để tăng cường cung cấp dịch vụ dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm, quản lý điều trị tăng huyết áp, bệnh tim mạch, đái tháo đường và một số bệnh không lây nhiễm khác tại các trạm y tế cấp xã trên toàn quốc.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Các đơn vị liên quan	2023-2025	Nguồn kinh phí địa phương
VIII.	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi				
1	Phát triển mạng lưới các cơ sở lão khoa trong tỉnh	Sở Y tế	Chi Cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình Các Bệnh viện Đa khoa tỉnh	2023-2025	- Ngân sách nhà nước của đơn vị. - Nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác.
2	Triển khai các văn bản quy định, hướng dẫn, tài liệu chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng; tổ chức đào tạo, tập huấn về chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc	Sở Y tế	Chi Cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình Các Bệnh viện Đa khoa tỉnh	2023-2025	- Ngân sách nhà nước của đơn vị. - Nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác.
3	Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động thực hiện thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết	Sở Y tế	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2023-2025	Nguồn kinh phí của Kế hoạch đã

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
	định số 403/QĐ-BYT ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế		Các Bệnh viện Đa khoa tỉnh		được phê duyệt.
4	Triển khai các Chương trình, kế hoạch về chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng, thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác	Sở Y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế	2023-2025	- Ngân sách nhà nước của đơn vị. - Nguồn kinh phí của Chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt. - Nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác.
XI. Chăm sóc sức khỏe người lao động					
1	Triển khai Chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp	Sở Y tế	-TTKSBT; Sở LĐTBXH; Trung tâm Y tế huyện,TP	Hàng năm	Ngân sách địa phương
2	Triển khai các chương trình nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Phối hợp tập huấn chuyên môn, giám sát MTLĐ khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, khám bệnh nghề nghiệp	Sở Y tế	TTKSBT; Sở LĐTBXH Sở Tài nguyên môi trường	Hàng năm	Ngân sách địa phương
3	Làm đầu mối để triển khai tin học hóa các hoạt động quản lý chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động	Sở Y tế	TTKSBT; Sở LĐTBXH; Trung tâm Y tế huyện,TP	Hàng năm	Ngân sách địa phương
4	Tăng cường công tác giám sát MTLĐ, quản lý sức khỏe người lao động và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp	Sở Y tế	TTKSBT; Sở LĐTBXH Ban Quản lý khu công nghiệp; Các	Hàng năm	Ngân sách địa phương Nguồn viện trợ và

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí
			doanh nghiệp TT Y tế huyện, TP		các nguồn hợp pháp khác
B. Các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông					
1	Lồng ghép nội dung truyền thông về chương trình sức khỏe Việt Nam vào kế hoạch truyền thông hàng năm và tổ chức thực hiện	Sở Y tế	TTKSBT Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo Các Sở ngành liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương Nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác
2	Triển khai, lồng ghép lĩnh vực của Chương trình sức khỏe Việt Nam vào chương trình, đề án, dự án đang triển khai trong lĩnh vực có liên quan.	Sở Y tế	TTKSB; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; Các Sở ngành liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương Nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác
3	Ứng dụng Công nghệ thông tin: tư vấn khám, chữa bệnh từ xa; kết nối người dân với y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe người bệnh từ xa	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông; Các Sở ngành có liên quan	Hàng năm	Ngân sách địa phương; Nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác
C. Theo dõi, kiểm tra và đánh giá					
1	Công tác kiểm tra giám sát	Sở Y tế	TTKSBT Sở LĐTBXH	Hàng năm	Ngân sách địa phương; Nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác